TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THÁI HOÀ** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án Số: 12 /2018/HNGĐ-ST
Ngày:27/11/2018
"V/v tranh chấp ly hôn,nuôi con chung giữa chị Trà và anh Ngọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Sỹ Lượng
2. Ông Nguyễn Khắc Đức

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sátnhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An****tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 159/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1994.
Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An.
Chỗ ở hiện nay: Khối 1, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Có mặt.

2. Bị đơn:Anh Phan Văn N, sinh năm 1985.
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-10-2018 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ttrình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Phan Văn N tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An vào ngày 02/01/2013 (Giấy đăng ký số 01/2013). Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N nghiện chất ma túy, không chịu làm ăn, nhiều lúc lên cơn nghiện xin tiền chị T không có thì anh N đánh đập, chị T luôn phải mang thương tích trên người. Mặc dù

mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả vì anh N không từ bỏ được chất ma túy. Do chị Tvà anh N sống với nhau không hạnh phúc nên đã sống ly thân tính đến nay được 03 năm, từ khi sống ly thân cho đến nay không còn ai quan tâm chăm sóc tới nhau, chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên là Phan Văn T, sinh ngày 07/07/2013. Vợ chồng không nuôi con nuôi, không ai có con riêng. Chị Tcó nguyện vọng được nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về chia tài sản:

Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản cho vay, không vay nợ ai tài sản gì, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tài liệu chứng cứ mà chị Trà đã cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị gồm: Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân (đều là bản phô tô chứng thực), trích lục kết hôn; bản sao giấy khai sinh của cháu Phan Văn Tuấn T.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng như: tống đạt các văn bản tố tụng, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được để bị đơn anh Phan Văn N biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Nhưng anh N từ chối không nhận tất cả các văn bản tố tụng do Tòa tống đạt, đồng thời vắng mặt suốt quá trình tố tụng không lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án, nên không thể ghi lời khai lấy ý kiến của anh N và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Phan Văn N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định, nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227; Điều 228 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 19, 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Do anh N nghiện chất ma túy nên điều kiện nuôi con không bằng chị T, vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung của chị T, anh N là cháu Phan Văn Tuấn T,

sinh ngày 07/07/2013. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N do chị Trà hiện tại không yêu cầu.
Về tài sản: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.
Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:
[1] *Về Tố Tụng:* Bị đơn anh Phan Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng như thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho anh N theo quy định, nhưng anh N đều từ chối nhận các văn bản tố tụng, đồng thời không lên Tòa để làm việc. Tại phiên Tòa, anh N vắng mặt lần thứ hai không lí do nên TAND thị xã Thái Hòa tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.
[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Phan Văn N là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do anh N nghiện chất ma túy nên dẫn đến mâu thuẫn gia đình, chị T đã cùng với gia đình nội ngoại có nhiều biện pháp để khắc phục hậu quả nhưng đều không có kết quả dẫn đến tình cảm giữa chị T và anh N không còn, lâm vào tình trạng trầm trọng.Qua biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh N tại địa phương ngày 22/10/2018 thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, chị T đã đi khỏi địa phương về nhà mẹ đẻ sinh sống, đồng thời anh N là đối tượng nghiện chất ma túy lâu năm, việc xây dựng hạnh phúc gia đình chăm sóc con cái cùng với chị T không thực hiện được. Xét thấy anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ làm chồng, làm cho Hôn nhân giữa anh N và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T.
[3] *Về nuôi con chung:* Hiện tại anh N là đối tượng nghiện chất ma túy nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sẽ không tốt bằng chị N, đồng thời qua ý kiến tham khảo tại Phòng Lao động thương binh và xã hội thị xã Thái Hòa và địa phương thì để bảo vệ quyền lợi của con chưa thành niên theo quy định của pháp luật, nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung của chị T, anh N là cháu Phan Văn Tuấn T, sinh ngày 07/07/2013 là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung và ý kiến trên của chị T là tự nguyện, phù hợp

với quy định của pháp luật nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N, khi nào chị Tcó yêu cầu thì làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] *Về chia tài sản*: Chị Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị T phải chịu 300.000^{đ} án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân : Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị T

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Phan Văn N.

2. Về nuôi con chung :

2.1 Giao cho chị Lê Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung của chị T, anh N là cháu Phan Văn Tuấn T, sinh ngày 07/07/2013.

2.2 Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phan Văn N.

2.3 Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.4 Vì lợi ích mọi mặt của con, thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000431 ngày 08/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, chị Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Phan Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Ngoan

*** Nơi nhận**
- Tòa án ND tỉnh Nghệ An
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- UBND xã Đ(để ghi vào sổ hộ tịch);
-Lưu HSVA, VP.